

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2021

V/v: Ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông
Nguyễn Văn Tr.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hồng Hải.

Bà Vương Thị Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 12-7-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-6-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 11/56 phố Máy Tơ, phường Ngô Quyền, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1955; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 11/56 phố M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà L có mặt. Ông Tr vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Tr tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn năm 1981 tại UBND phường T, thành phố N (sau đó tách làm hai phường là T và Q). Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không có sự hòa hợp về lối sống, bất đồng về tính cách, vợ chồng không có sự thông cảm chia sẻ khó khăn về kinh tế, ông Tr không tin tưởng vào sự chung thủy của bà do đó hai bên thường xuyên cãi vã, ông Tr đã có hành vi bạo lực với bà. Đề hàn gắn tình cảm bà đã không yêu cầu chính quyền xử lý ông Tr về hành vi này nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng căng thẳng. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị L xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thành H sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Thanh H sinh năm 1984. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố N đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Văn Tr theo quy định của pháp luật nhưng ông Tr không đến làm việc nên không có lời khai tại Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân và con chung của đương sự, đại diện chính quyền địa phương nơi bà L và ông Tr sinh sống và cư trú đã xác nhận: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Tr chung sống với nhau tại địa chỉ số 11/56 phố M, phường Q, thành phố N từ năm 1981. Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Thành H sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Thanh H sinh năm 1984. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bà L có trình báo việc ông Tr có hành vi bạo lực với mình. Nhưng sau đó bà L có đơn đề nghị không xử lý hành vi này của ông Tr nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: Các con chung của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Tr đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu, ông Nguyễn Văn Tr không có lời khai nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Tr tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND phường Q xác nhận chung sống với nhau từ năm 1981 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên nảy sinh những bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không hòa hợp, không chia sẻ với nhau khó khăn về kinh tế. Mặc dù đã có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng do khác biệt nhau về lối sống và tính cách, vợ chồng không tin tưởng nhau nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng căng thẳng. Điều đó chứng tỏ hôn nhân hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Các con chung của các đương sự đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu, ông Nguyễn Văn Tr không có lời khai nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Tr.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0003660 ngày 05-5-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Tr có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng